



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Bao bì và In Nông nghiệp

Ngày 30/09/2025	44,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	14.3%	4.8%	17.8%

DT thuần Q3/25
458
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 65.0 16.5%
YoY: ▲ 7.00 1.5%

LN thuần Q3/25
37.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.60 7.3%
YoY: ▲ 3.80 11.0%

LN sau thuế Q3/25
32.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.90 6.3%
YoY: ▲ 4.80 17.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
8.4%
YoY: +/-▼ 0.7%

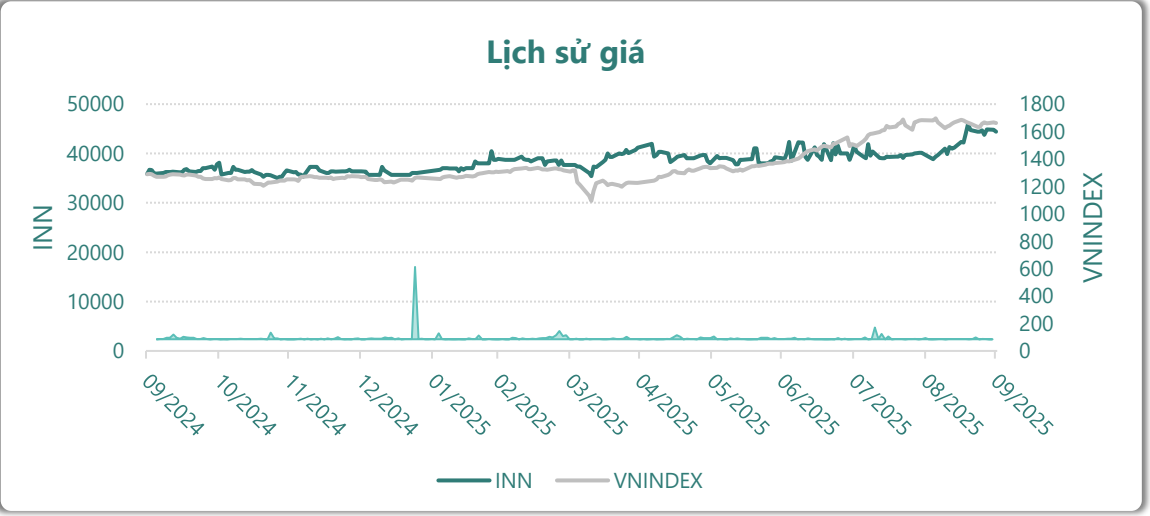
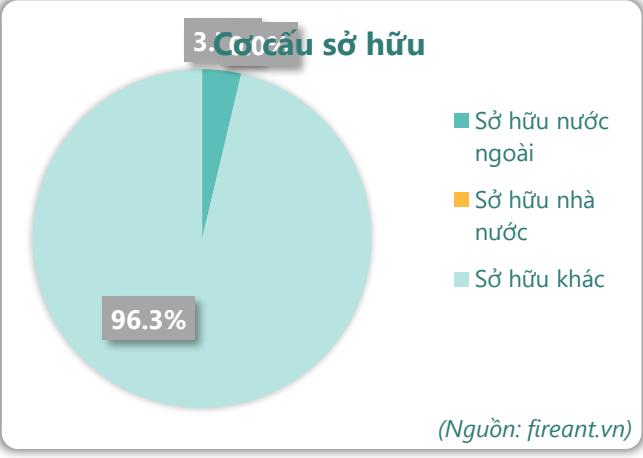
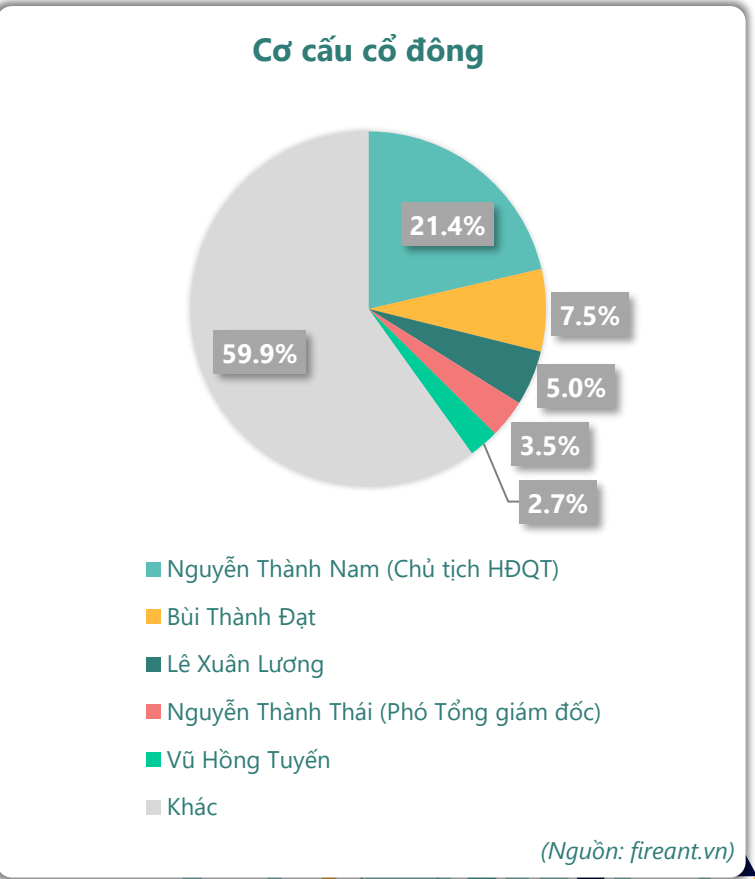
ROE (TTM) Q3/25
16.8%
YoY: +/-▼ 0.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	35,026 - 45,968
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,199
Số lượng CPLH (CP)	27,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,145
Sở hữu nước ngoài	3.7%
Beta	0.32
EPS	4,642
P/E	9.6

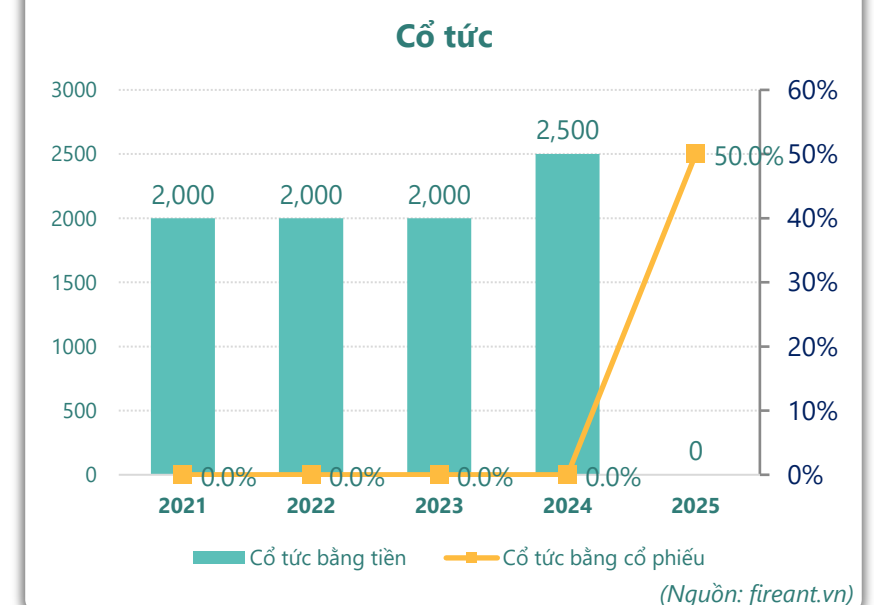
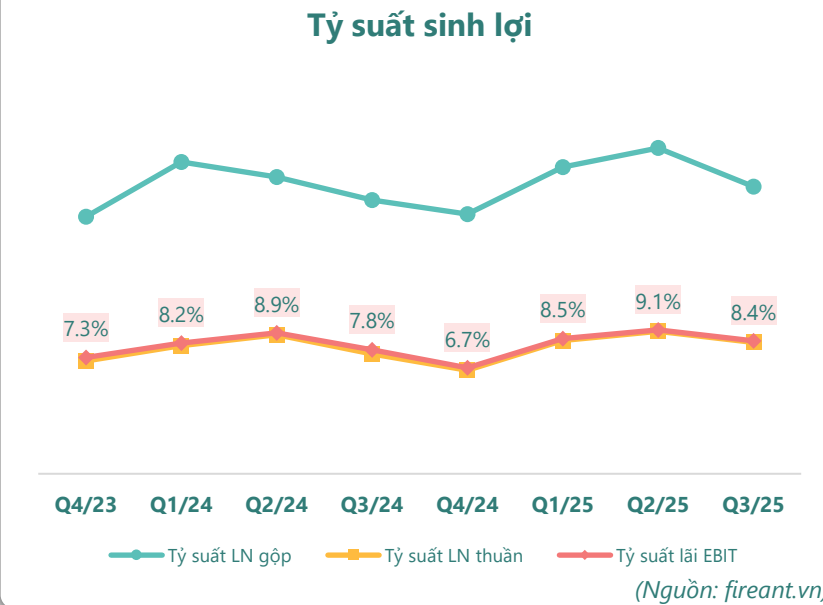
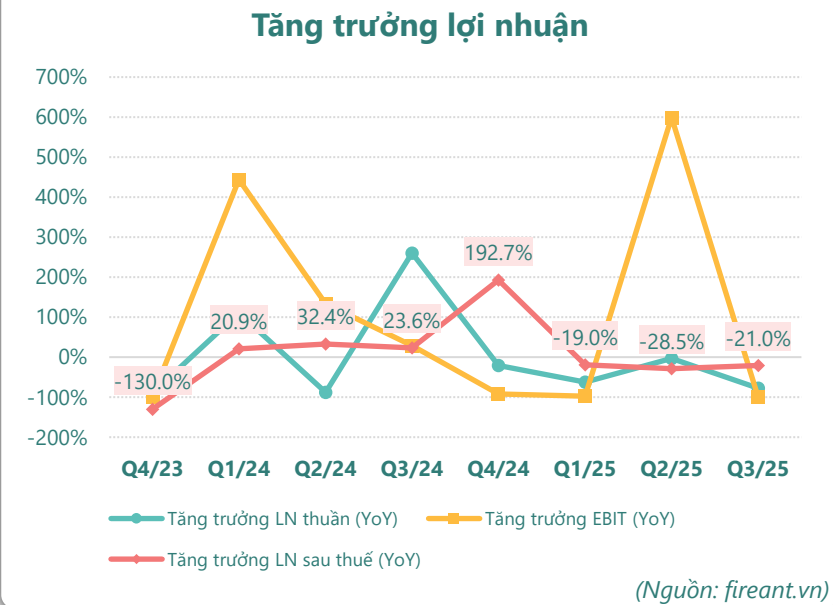
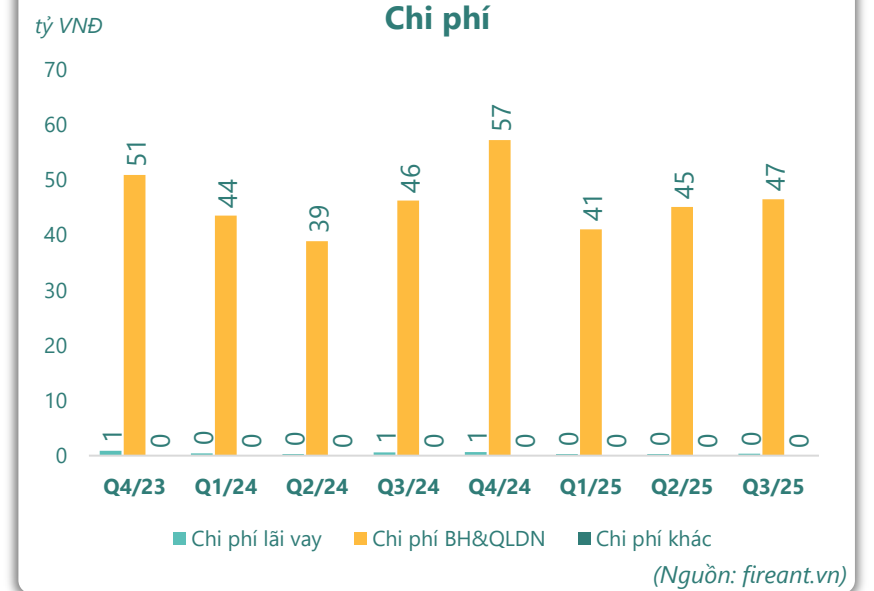
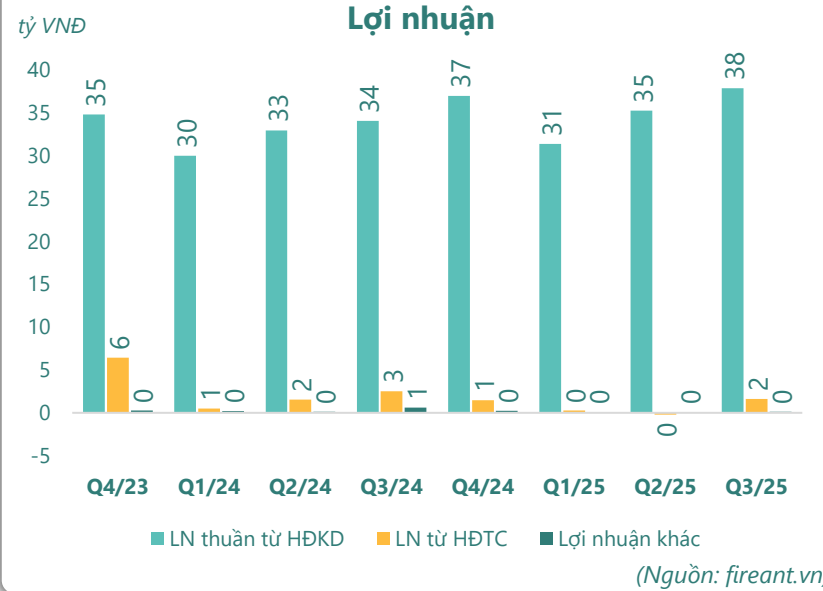
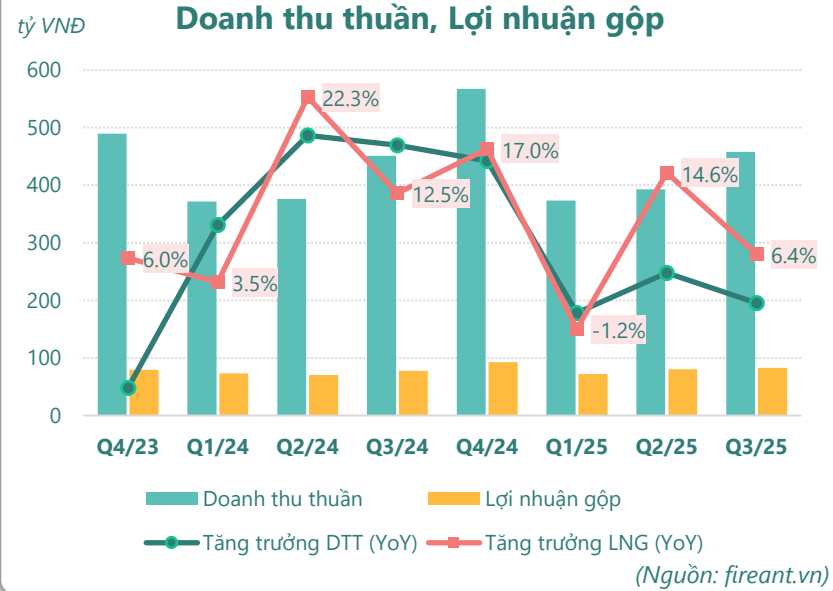
DT thuần 9T 2025
1,224
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 25.0 2.0%

LN thuần 9T 2025
104
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 7.00 7.7%

LN sau thuế 9T 2025
89.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.3 14.5%



KẾT QUẢ KINH DOANH

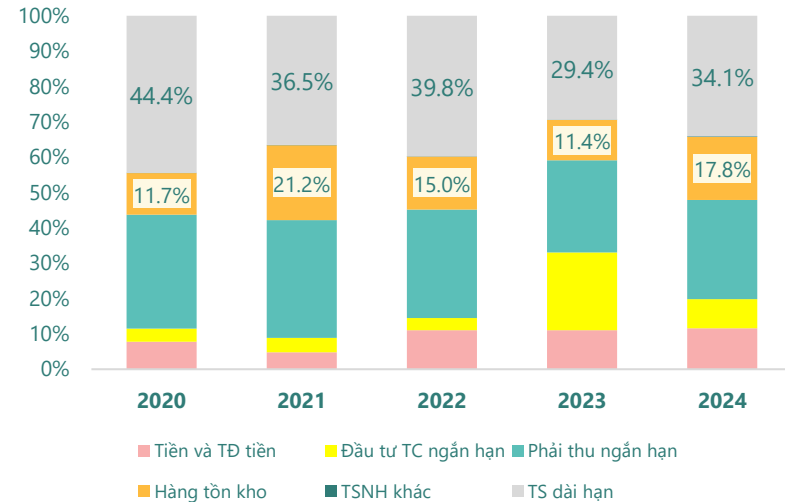
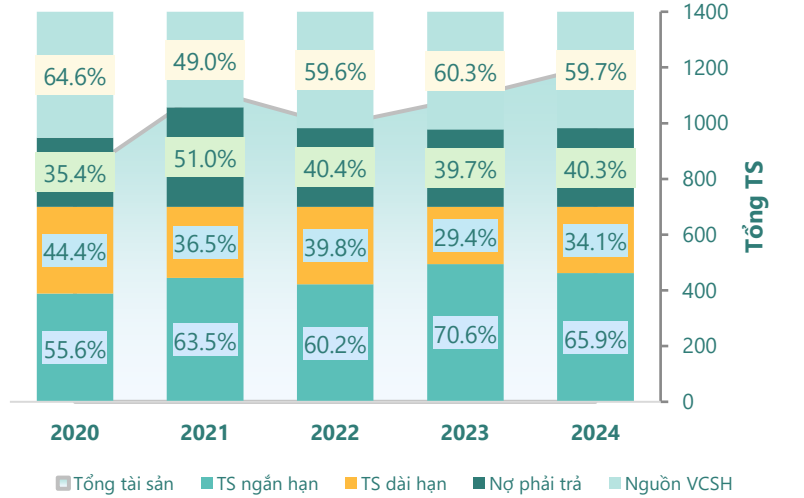


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

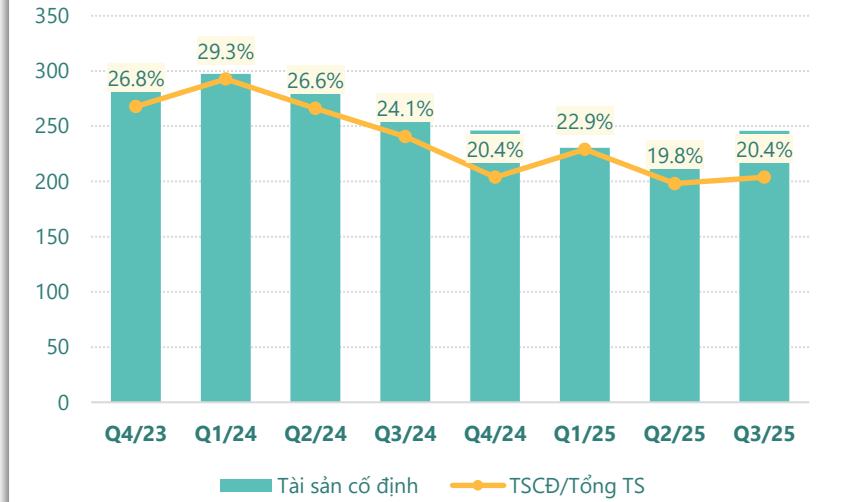
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

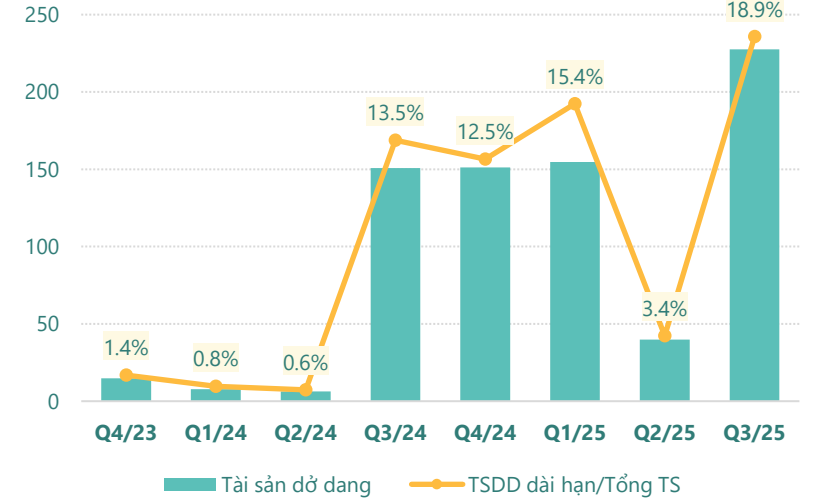
Tổng TS



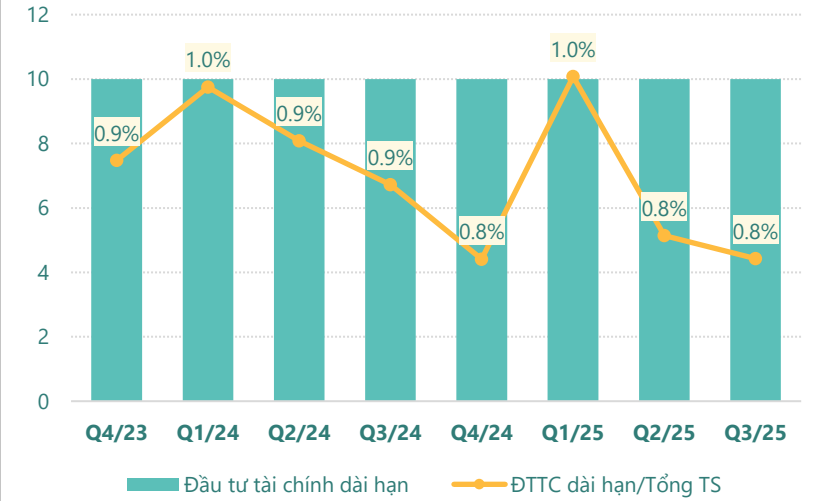
tỷ VNĐ



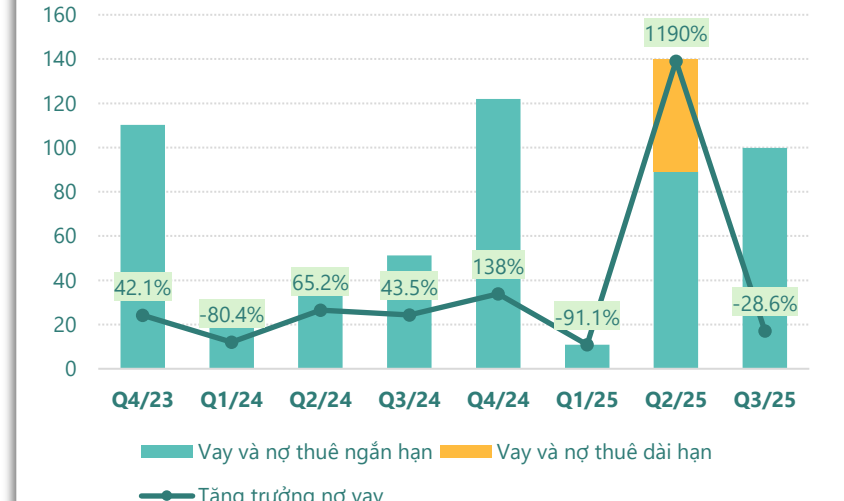
tỷ VNĐ



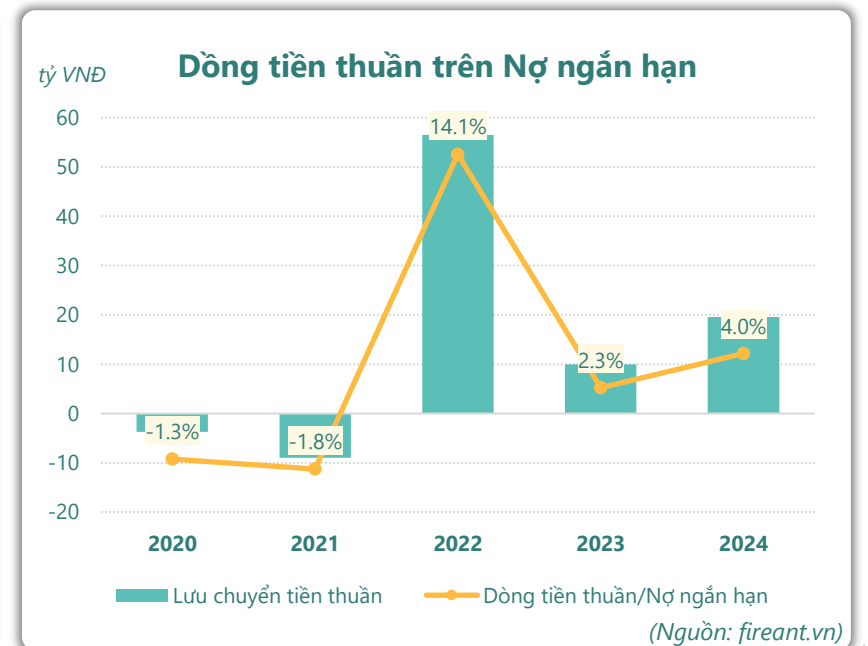
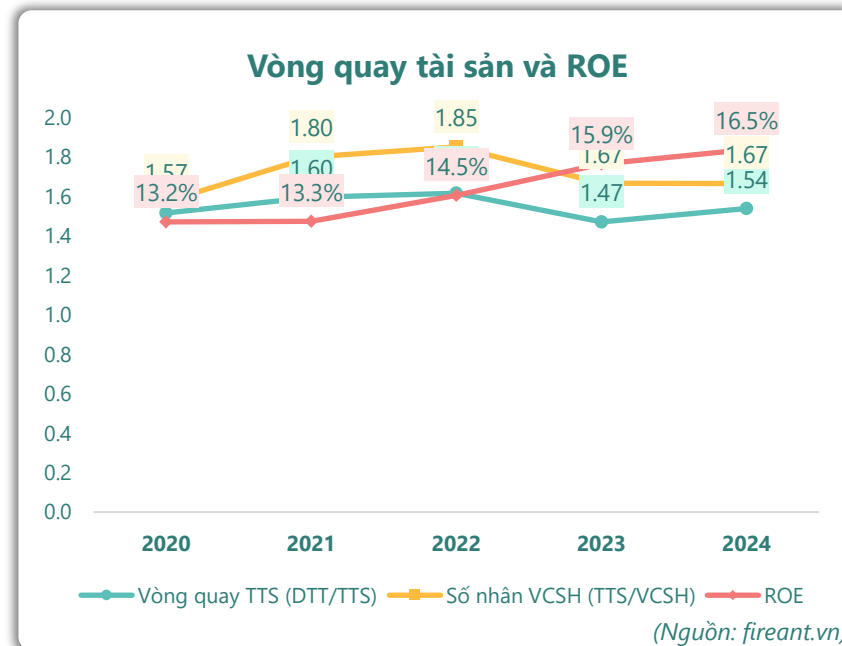
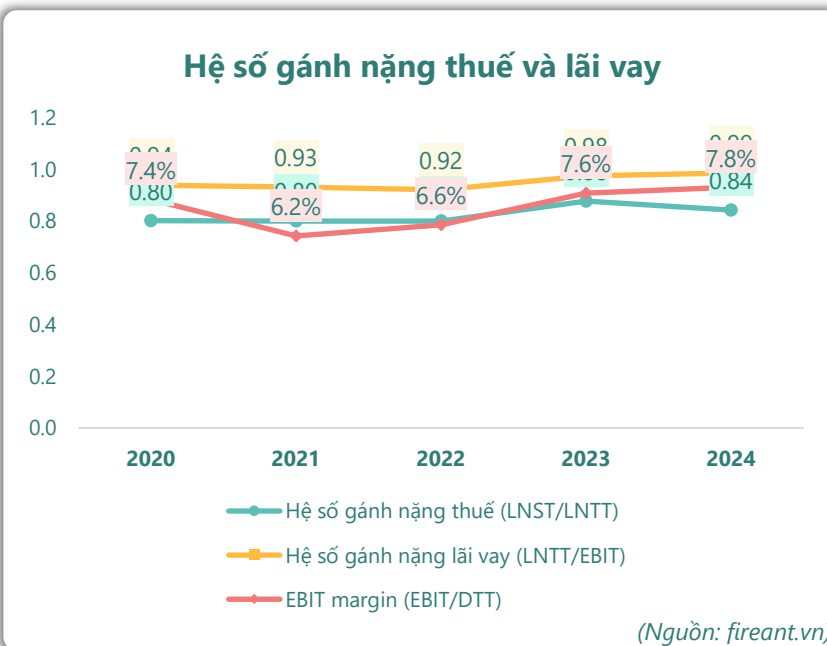
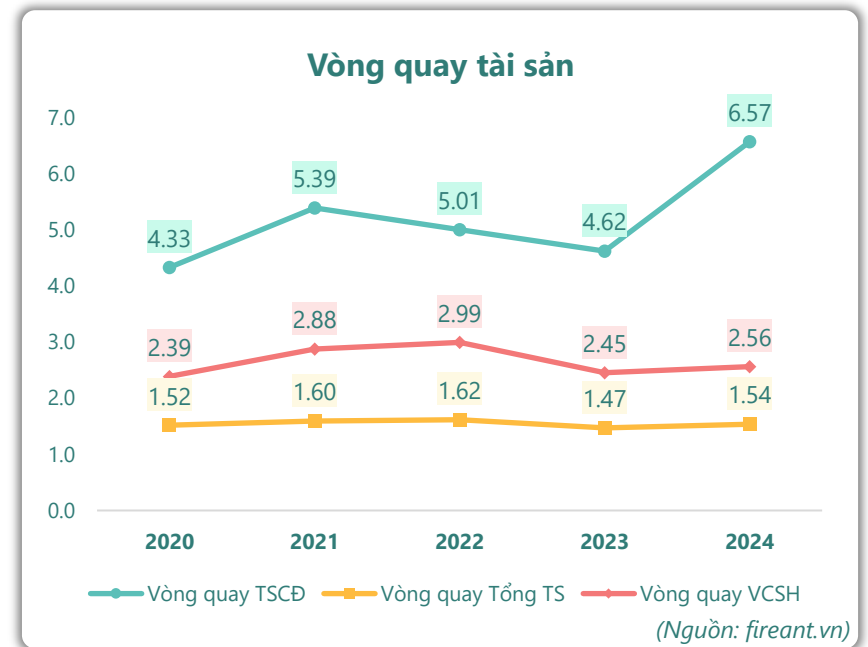
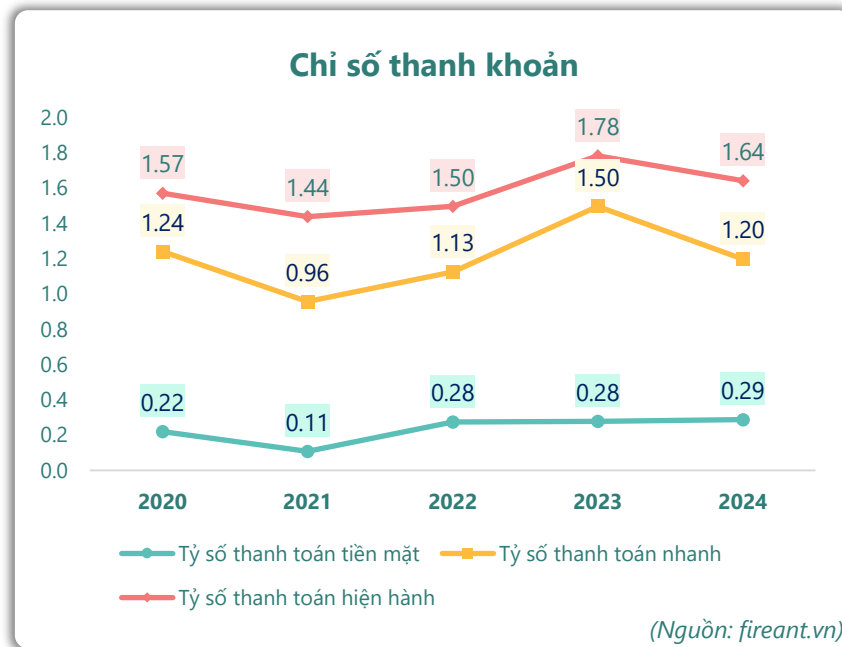
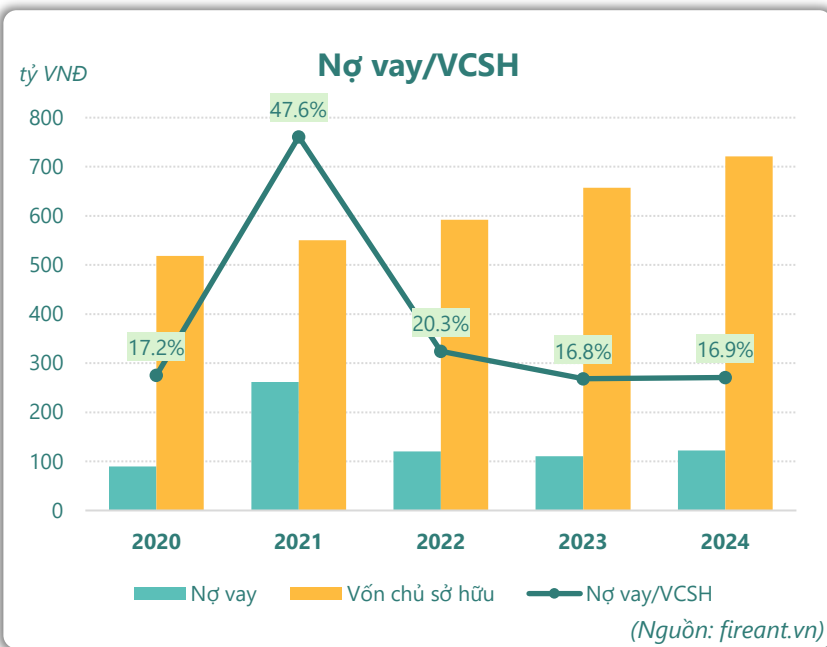
tỷ VNĐ



tỷ VNĐ



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	458	451	1.5%	1,224	1,199	2.0%
Giá vốn hàng bán	375	374	0.2%	988	978	1.0%
Lợi nhuận gộp	82.8	77.8	6.4%	236	221	6.5%
Doanh thu HĐTC	1.99	3.18	-37.5%	2.64	6.09	-56.6%
Chi phí TC	0.36	0.68	-46.7%	0.97	1.55	-37.6%
Chi phí lãi vay	0.36	0.62	-41.6%	0.95	1.35	-29.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	12.6	14.0	-9.8%	33.7	37.6	-10.3%
Chi phí QLDN	33.9	32.3	5.1%	99.1	91.3	8.6%
LN thuần từ HĐKD	37.9	34.1	11.0%	104	97.0	7.7%
Lợi nhuận khác	0.14	0.61	-77.8%	0.32	0.94	-66.2%
LN trước thuế	38.0	34.7	9.5%	105	98.0	7.0%
Lợi nhuận sau thuế	32.5	27.7	17.4%	89.7	78.4	14.5%
LNST của CĐ cty mẹ	32.5	27.7	17.4%	89.7	78.4	14.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	17.5	-43.1	-146	65.9	-0.92	125
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.14	-8.60	152	-7.91	-23.8	-170
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-30.8	15.5	70.8	-111	130	-38.9
Tiền đầu kỳ	108	99.5	63.2	139	86.3	192
Lưu chuyển tiền thuần	-8.19	-36.2	76.2	-53.2	106	-83.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	99.5	63.2	139	86.3	192	108

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,206	1,207	0.0%
Tài sản ngắn hạn	720	796	-9.5%
Tiền và tương đương tiền	108	139	-22.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	160	100	60.0%
Phải thu ngắn hạn	281	339	-17.0%
Hàng tồn kho	169	215	-21.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.36	2.09	-35.1%
Tài sản dài hạn	487	411	18.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	246	246	-0.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	228	6.87	3214%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	3.29	148	-97.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	399	486	-17.8%
Nợ ngắn hạn	398	485	-17.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	99.9	122	-18.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	117	131	-10.4%
Nợ dài hạn	1.28	1.28	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	807	721	11.9%
Vốn chủ sở hữu	807	721	11.9%
Vốn điều lệ	180	180	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

